

VỀ PHÁT TRIỂN NUÔI VỊT Ở NƯỚC TA

NGUYỄN NGỌC CÀNH

THEO thống kê nhiều năm, đàn vịt ở miền bắc nước ta có trên dưới 4 triệu con. Riêng từ năm 1969 - 1972, do dịch tả vịt phát triển mạnh nên số vịt tụt xuống, 1970 chỉ còn 3,6 triệu con; nhưng đến năm 1973 đàn vịt lại tăng lên 5,15 triệu con; cho đến nay, miền bắc có 4 triệu vịt. Ở miền nam, đến nay có khoảng 6 triệu vịt. Số lượng vịt cả nước trong những năm cao nhất có khoảng 29 triệu con, nhưng đến nay chỉ còn khoảng 10 triệu con.

Do nghề nuôi vịt ở ta chủ yếu là tận dụng thức ăn trên đồng lúa, nên những vùng cấy lúa, nhiều sông ngòi, đầm hồ thường nuôi nhiều vịt. Những vùng nuôi vịt tập trung ở nước ta là:

Vùng đồng bằng Nam Bộ, với diện tích cấy lúa khoảng 2 287 700 ha đã nuôi tới 80 - 88% tổng số vịt của miền nam. Tính bình quân trên mỗi hecta trồng lúa ở vùng này mỗi nuôi được từ 5 - 9 con vịt quanh năm, và từ 7 - 13 con vịt thịt thời vụ (tùy từng năm). Đây là vùng nuôi vịt nhiều và trù phú nhất, do điều kiện lớn nhất để phát triển đàn vịt, và nhìn chung khả năng vùng này ta còn có thể khai thác được nhiều hơn nữa.

Vùng đồng bằng Bắc Bộ, với diện tích khoảng 1 500 000 ha, cùng với vùng đồng bằng Thanh Hóa - Nghệ Tĩnh, có khoảng 680 000 ha, (tổng số 2 180 000 ha) đã nuôi tới 65% số vịt miền bắc. Tính bình quân trên 1 ha trồng lúa vùng này cũng còn nhiều, cần được khai thác, nhất là phát triển nuôi vịt dịp thời vụ (vì vùng đồng bằng Bắc Bộ có hệ số quay vòng ruộng đất cao: 1,8 lần) vì vậy có thể phát triển vịt 2 vòng đều đặn trong năm.

+ Ngoài ra các vùng khác, như các tỉnh miền trung (có cấy lúa) đều nuôi vịt, nhưng khả năng phát triển có hạn. Các vùng miền núi cũng nuôi được vịt, nhưng chỉ lẻ tẻ ở các thung lũng trồng lúa.

Nhìn chung, ta cần tập trung phát triển mạnh ở hai vùng chính là đồng bằng Nam Bộ và đồng bằng Bắc Bộ.



Các giống vịt chính ở nước ta có khả năng sản xuất như sau:

a) **Vịt cỏ**: đây là giống vịt chuyên sản xuất trứng, mỗi năm một vịt mái cho ta khoảng 150 - 180 trứng, trọng lượng trứng khoảng 60 - 62 g, vịt cỏ còn được gọi là vịt đàn, miền nam gọi là vịt bầu. Chúng chiếm khoảng 80% số vịt trong cả nước, là giống vịt thích hợp nhất trong phương thức chăn thả đồng bãi chịu kiếm mồi. Nhược điểm chính của giống vịt này là thịt vịt có trọng lượng thấp nếu nuôi lấy thịt thường từ 1,0 - 1,2 kg. Hiện nay nhiều nơi vẫn nuôi vịt cỏ lấy vịt theo thời vụ lúa.

b) **Vịt bầu**: là giống vịt chuyên sản xuất thịt, vịt thịt nuôi đến 2 tháng nặng 1,5 - 1,6 kg, nhưng chúng có nhược điểm là đẻ trứng ít (khoảng 100 - 110 quả/năm). Vịt bầu chuyên sản xuất trứng ấp, lấy vịt con nuôi thịt. Vịt bầu cũng dễ dàng chăn thả trên đồng bãi, chúng cũng chịu kiếm mồi. Ở miền nam, vịt bầu còn gọi là vịt ta. Vịt bầu chiếm một tỷ lệ thấp trong tổng số vịt của ta.

c) **Vịt Bắc Kinh**: là giống sản xuất thịt phổ biến trên thế giới, mới nhập từ châu Âu vào ta khoảng 10 năm nay và đã đưa vào sản xuất có kết quả tốt. Vịt thịt nuôi đến 60 ngày tuổi nặng khoảng 2 kg, vịt mái cho 120 - 140 trứng/năm. Giống vịt lông trắng này có khả năng sản xuất thịt cao hơn hẳn vịt bầu của ta, nay cần được phổ biến rộng rãi và tiến đến «bạch hóa» đàn vịt trồng nước. Lông vịt này có màu trắng nên bán được giá hơn các loại vịt của ta.

d) **Vịt Anh Đào**: được tạo ra do chọn lọc từ giống vịt Bắc Kinh, nhưng chúng có năng suất cao hơn hẳn. Vịt thịt nuôi 49 ngày tuổi bình quân nặng 2,8-3,3 kg (giống lai X-11), vịt mái đẻ 140-160 trứng/năm, trứng nặng 90-100 g (tùy theo từng dòng vịt khác nhau). Giống Anh Đào cần được nhập nội nhanh vào nước ta để nhân giống thuần chủng và cho lai kinh tế lấy thịt. Từ nay trở đi giống Anh Đào sẽ ngày càng phát triển và sẽ có vị trí xứng đáng trong nghề chăn nuôi vịt ở ta.

Về cơ sở vật chất của nghề nuôi vịt nước ta còn quá nghèo nàn, đến nay ta mới chỉ có:

- Khoảng 420 000 con vịt gốc nằm trong tay các cơ sở chăn nuôi quốc doanh.

- Về chế biến lông vũ, kể cả những cơ sở cũ thì ta mới có 4 nhà máy, trong đó quan trọng nhất là Sài Gòn feathermille, với dân máy khá hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn khách hàng (1-500 tấn lông/năm).

- Một số kho đông lạnh ở Hải Phòng, dùng chung cho các sản phẩm khác như cá, tôm, thịt lợn...

- Một vài cơ sở mổ giết vịt (Cầu Niệm, Hải Phòng...) rất nhỏ bé và làm thủ công.

Những cơ sở này hầu hết không thuộc cơ quan nông nghiệp quản lý mà nằm phân tán ở các bộ khác (như ngoại thương, nội thương hoặc trong tập thể tư nhân ở miền nam).

Trong cả nước, 90% số vịt nằm trong tay nhân dân và các hợp tác xã. Các cơ sở nuôi vịt tư nhân và hợp tác xã tự xây dựng lấy hàng trăm lò ấp trứng thủ công mà Nhà nước chưa hề có những đầu tư thích đáng nhằm phát triển vịt (trong khi đó, đáng lý Nhà nước phải giúp nông dân con giống tốt, thuốc thú y và một phần thức ăn bổ sung cho vịt và có chính sách khuyến khích thích đáng để phát triển ngành này).

Nhìn chung, vịt cho ta nhiều sản phẩm có giá trị như thịt, trứng, lông. Đến nay do sự phát triển mạnh của gà công nghiệp trên thế giới nên nhu cầu về thịt gia cầm và trứng đã hầu như thỏa mãn ở nhiều nước, vì vậy thịt vịt và trứng vịt tươi sẽ không phải là mặt hàng xuất khẩu quan trọng nữa, dần dần người ta đòi hỏi phải có sản phẩm chế biến của nó. Vì vậy, để có thể xuất khẩu vịt được, cần chú ý đến việc chế biến (thịt, trứng) như vịt lạp, vịt sấy, trứng muối, trứng bọc hay bột trứng...

Riêng lông vịt có cấu tạo đặc biệt để giữ ấm tốt nên được dùng rộng rãi ở xứ lạnh, và việc bán lông vịt ra nước ngoài đến nay càng ngày càng đòi hỏi cao, chúng ta không sợ thiếu thị trường. Việc chế biến lông cũng cần chú ý nhằm đáp ứng yêu cầu thị trường (chẳng hạn ta cần có những nhà máy chế biến ra các loại

lông có các tỷ lệ lông mịn khác nhau cho phù hợp với thị hiếu tiêu dùng của nước ngoài).



Trong kế hoạch 5 năm tới ta cần phát triển vịt nhanh cả về số lượng và chất lượng. Ở cả ba khu vực kinh tế: quốc doanh, hợp tác xã và gia đình xã viên - lấy cơ sở quốc doanh làm nơi chỉ đạo việc cung cấp giống tốt và đủ, là nơi áp dụng và phổ biến các biện pháp kỹ thuật chăn nuôi tốt, nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi trong cả nước.

Để quán triệt chỉ đạo toàn ngành, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa tập trung phục vụ cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu, chúng ta cần quy hoạch và tổ chức sản xuất ngành nuôi vịt chặt chẽ, gắn bó các cơ quan và các ngành nhằm phục vụ mục tiêu chung; kết hợp sự giúp đỡ và hợp tác với nước ngoài (nhất là với Hungari). Trong những năm tới, theo chúng tôi, cần phấn đấu đạt được những mục tiêu chính trong kế hoạch 5 năm như sau:

1. Xây dựng xong 5 cơ sở giống vịt, trong đó có vịt nhập nội và vịt trong nước.

2. Phấn đấu đưa đàn vịt cả nước lên 30 triệu con (trong đó có 18 triệu vịt sinh sản và 12 triệu vịt hậu bị).

3. Về trứng ăn, đến năm 1985 phải đạt được 1600 triệu trứng. Muốn vậy phải có 8 triệu vịt đẻ sản xuất trứng, kể cả số trứng thu được của những đàn vịt sản xuất thịt.

4. Về vịt thịt đến năm 1985 phải đạt được 200 nghìn tấn, trong đó có một nửa là thịt vịt chính vụ, một nửa là thịt vịt nhỡ vụ và trái vụ.

5. Về lông xuất khẩu, đến năm 1985 phải đạt được 2000 tấn lông.

6. Phấn đấu xây dựng cơ sở vật chất cho ngành gia cầm, trước mắt trong mấy năm tới cần phải xây dựng đồng bộ và cân đối các hệ thống giống, thức ăn, thú y, các cơ sở mổ giết, kho lạnh và chế biến lông vũ.

Phải làm gì để đạt cho được 6 nhiệm vụ chủ yếu (dự kiến) nêu trên?

Theo chúng tôi, cần thực hiện 3 biện pháp chính như sau:

1. Quy hoạch, tổ chức tốt sản xuất, thu mua chế biến và dự trữ tốt sản phẩm:

Trong các vùng nuôi vịt đã trình bày ở trên, chúng ta phải tập trung phát triển vịt mạnh mẽ ở hai vùng chính: đồng bằng Nam Bộ và đồng bằng Bắc Bộ. Hai vùng này tiện đường

giao thông, gần vùng xuất khẩu và đô thị, lại có sẵn điều kiện tự nhiên và cơ sở sản xuất. Các vùng khác, tập trung vừa phải để nâng cao sản xuất ở các vùng này. Ở hai vùng kể trên, cần: xây dựng 3 cơ sở giống: 2 cơ sở thuộc đồng bằng Nam Bộ, 1 cơ sở thuộc đồng bằng Bắc Bộ. Ngoài ra cần xây dựng thêm 2 cơ sở giống tại đồng bằng Thanh - Nghệ Tĩnh và vùng duyên hải miền trung. Tại hai vùng này cần phát triển các trạm, xí nghiệp mổ giết, kho lạnh và cơ sở chế biến sản phẩm.

- Thức ăn dành cho việc phát triển vịt cần giao cho ngành nông nghiệp để điều hòa sản xuất trong cả nước và tập trung thu sản phẩm cho xuất khẩu và chế biến.

- Cần xây dựng cho cơ quan quản lý ngành từ trung ương đến địa phương, nhất là các Công ty gia cầm tỉnh, để quản lý từ khâu sản xuất đến hợp đồng thu mua và tiêu thụ sản phẩm.

- Tiến hành hợp đồng sản xuất, thu mua, chế biến với các ngành hữu quan khác.

2. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật

+ Về giống: cần xây dựng 5 cơ sở giống, trong đó 2 cơ sở giống của trung ương và 3 cơ sở giống tỉnh do trung ương giúp đỡ trực tiếp. Đồng thời tại những tỉnh có điều kiện nên xây dựng các trại giống cấp II.

- Nhập thêm giống vịt Anh Đào.

- Xây dựng hệ thống ấp trứng bằng máy phục vụ sản xuất trong nước. Trang bị cho các cơ sở giống và các trạm ấp ở trung ương và địa phương. Bên cạnh đó, đẩy mạnh phát triển các lò ấp trứng bằng thóc và trấu nóng.

+ Về thức ăn:

- Trong tình hình hiện nay, nghề nuôi vịt của ta vẫn chủ yếu dựa vào việc nuôi tận dụng thóc rơi vãi sau vụ gặt và các vùng ao hồ, ven sông, ven biển... Nhà nước chỉ cần bổ sung thức ăn cho các cơ sở giống trung ương và địa phương.

Ngành chăn nuôi vịt cũng cần có thêm diện tích đất trồng cây thức ăn chăn nuôi. Thức ăn này giúp cho các cơ sở chăn nuôi chủ động sản xuất.

- Sản phẩm vịt như lông, thịt, trứng sau khi xuất khẩu có thể trích một phần tiền để mua thức ăn chăn nuôi.

- Để có thể thu hồi sản phẩm dành cho chế biến xuất khẩu và tiêu thụ nội địa, Nhà nước có thể mua theo giá thỏa thuận hoặc thu mua trả lại lương thực hoa màu cho dân. Vì vậy Nhà nước cần dành một phần hoa màu lương thực để thu hồi sản phẩm.

- Các hợp tác xã cần dành một tỷ lệ lương thực của đất chăn nuôi để dành cho vịt, nhất là các hợp tác xã có điều kiện chăn nuôi.

+ Về thú y, vệ sinh chăn nuôi:

- Xưởng thuốc thú y trung ương cần sản xuất đủ số vacxin dịch tả vịt cho hai vụ sản xuất chính và tổ chức tiêm phòng ở những vùng chăn nuôi nhiều và vùng gần đường giao thông. Số lượng thuốc sản xuất ra hàng năm ước tính khoảng 1 triệu liều cho mỗi tỉnh nuôi vịt nhiều.

- Sớm hoàn chỉnh các qui trình kỹ thuật chăn nuôi ấp trứng và vệ sinh thú y.

- Nhập và tự sản xuất thêm các loại thuốc cần thiết cho vịt.

+ Xây dựng cơ sở chế biến mổ giết, kho lạnh và chế biến sản phẩm.

- Các cơ sở mổ giết, kho lạnh và chế biến nên xây dựng ở vùng Nam Bộ và đồng bằng Bắc Bộ, nên tập trung ở vùng có diện nước thuận tiện giao thông và gần nơi xuất khẩu.

Các cơ sở mổ giết và chế biến cần xây dựng cơ sở hiện đại của trung ương; ở các địa phương có thể xây dựng nửa hiện đại, kết hợp với thủ công. Cơ sở mổ giết trung ương có thể kết hợp mổ gà, vịt, ngỗng.

- Cơ sở chế biến lông vũ, cần tận dụng phục hồi các cơ sở cũ sẵn có ở miền nam, trang bị thêm cho xí nghiệp lông vũ Hải Phòng và dành cho ngành chăn nuôi vịt một cơ sở chế biến lông vũ.

- Xây dựng một xí nghiệp bao bì của ngành, nhằm phục vụ xuất khẩu và buôn bán nội địa.

3. Về chính sách.

- Nhà nước cần đầu tư đủ thức ăn cho việc phát triển giống, nhằm nhanh chóng đưa đàn vịt toàn quốc từ 10 triệu con như hiện nay lên 30 triệu con vào cuối kế hoạch năm năm sau. Thức ăn cung cấp cho cơ sở giống cần hoàn chỉnh và kịp thời.

- Bên cạnh đó cần có chính sách hợp đồng thu mua sản phẩm vịt trả phần lương thực hoa màu cho các hợp tác xã và gia đình xã viên.

Khi tiến hành hợp đồng thu sản phẩm cần chú ý những điều kiện sau đây để phân phối cho hợp lý:

- Trứng và thịt ngoài vụ sản xuất cấp lương thực và hoa màu cao hơn chính vụ.

- Trứng giống và vịt giống cấp cao hơn trứng ăn và vịt thịt.

- Loại sản phẩm có chất lượng cao, cấp cao hơn loại thường (ví dụ: thịt vịt loại I cấp cao hơn loại II...).

Chúng tôi xin đề xuất cụ thể về việc phân phối thức ăn như sau:

Sản phẩm bán cho Nhà nước	Đơn vị tính	Nhà nước cấp lương thực hay hoa màu trở lại cho người sản xuất
Trứng ăn	1 quả	0,180 kg
Trứng ấp	1 quả	0,200 kg
- Vịt thịt loại I (1,8 kg trở lên và loại II 1,8 - 1,4 kg)	1kg	1,000 kg
Vịt thịt loại III (dưới 1,4 kg)	1kg	0,800 kg
Vịt giống các loại	1kg	1,200 kg

Trứng vịt trái vụ (loại trứng ăn trái vụ) cần tính cao hơn trứng chính vụ 0kg 020 cho một quả.

- Vịt thịt trái vụ tính cao hơn vịt chính vụ 0 kg 200 cho 1 kg.

- Về mặt giá cả thịt vịt nên dựa theo trọng lượng để phân loại giá, nhiều nhất là 3 cấp giá. Việc dựa vào trọng lượng để thu mua sẽ khuyến khích được việc phát triển vịt lai và vịt có trọng lượng cao, đồng thời khuyến khích được người chăn nuôi giỏi.

- Về giá trứng cũng nên mua trọng lượng cao, nhiều nhất là 3 cấp giá. Đồng thời trứng ấp cần mua cao hơn trứng ăn để khuyến khích tái sản xuất mở rộng.

- Về giá cả vịt con cần tính toán kỹ để không lấy lãi nhiều; nếu là vịt con theo hợp đồng thu mua cần tính giá qui định chung. Nên qui định vịt con giống bầu, giống Bắc Kinh giống Anh Đào khác với giá vịt cỏ.

- Về xuất khẩu cần lưu ý: trong những năm gần đây giá cả thịt trứng đều tăng nhiều, có thời kỳ tăng gấp đôi giá mấy năm trước đây, vì vậy việc xuất khẩu sản phẩm cần xem xét lại các mặt giá cả thịt trứng, đây mạnh việc chế biến sản phẩm để bán sản phẩm chế biến thì có lợi hơn và những sản phẩm này cần tính toán kỹ để giá cả hợp lý.

- Nên có qui định công gián tiếp cho cán bộ kỹ thuật chăn nuôi thú y như sau: cán bộ sơ cấp kỹ thuật được hưởng công gián tiếp cho cán bộ kỹ thuật chăn nuôi thú y như sau: cán bộ sơ cấp kỹ thuật được hưởng công gián tiếp bằng đội trưởng sản xuất, cán bộ trung cấp

hưởng công gián tiếp bằng phó chủ nhiệm hợp tác xã và cán bộ đại học bằng chủ nhiệm hợp tác xã.

Công diêm trả cho người chăn nuôi vịt phải là công diêm loại I ở hợp tác xã.

Công diêm của người ấp trứng chính (trùm lò) phải cao hơn công trồng trọt 50 - 60%; hàng tháng chi bồi dưỡng riêng bằng tiền thích đáng cho người ấp; công người phụ ấp cao hơn công trồng trọt khoảng 20 - 30% tùy người và tùy số lượng trứng vào ấp.

- Cần cung cấp cho người chăn nuôi vịt đủ đồ dùng bảo hộ lao động để kiểm và cần thiết. Mức ăn bình quân hàng tháng về thóc gạo của người nuôi vịt và ấp trứng cũng cần cao hơn các loại lao động trồng trọt khác.

- Tùy theo từng hợp tác xã mà tiến hành phương thức thu mua thường xuyên hay định kỳ. Sau khi hợp tác xã đã bán đủ kế hoạch theo hợp đồng hai chiều với Nhà nước thì số sản phẩm thừa có thể bán theo giá thỏa thuận hoặc khuyến khích.

- Tỷ lệ thu mua có thể quy định trong hợp đồng tối thiểu thu lại 70% sản phẩm sản xuất ra (đã trừ hao hụt) của hợp tác xã.

- Hợp đồng sản xuất hay thu mua cần làm trước ít nhất một tháng, khi hai bên giao nộp phải đảm bảo nhanh, gọn, tiện lợi không phải chờ đợi gây chết vịt và hao hụt sản phẩm. Cơ quan đảm nhận thu mua cần có qui định thu mua thống nhất từ trung ương đến địa phương và nên có văn bản kèm theo để hướng dẫn các địa phương tiến hành. Nên tập trung vào một cơ quan đảm nhiệm thu mua thì tốt nhất.